

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012  
đã được kiểm toán

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

0103014424

ngày 6 tháng 12 năm 2012

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014424 ngày 6 tháng 12 năm 2012. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Nguyễn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Linh	Thành viên
Ông Hồ Văn Hải	Thành viên
Ông Samuel. A. Fisher	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Hồ Văn Hải	Giám đốc
Ông Trần Hậu Cường	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

94 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ  
Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 32 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội và công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo hợp nhất này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Hà Nội,

08 -03- 2013



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội và công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 32. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 22 tháng 2 năm 2012.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-02-146



Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Tâm Anh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0651/KTV



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>577.008.558.771</b>	<b>541.864.774.333</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>255.699.020.921</b>	<b>163.326.591.080</b>
Tiền	111		29.549.020.921	54.326.591.080
Các khoản tương đương tiền	112		226.150.000.000	109.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.860.726.277</b>	<b>41.830.129.107</b>
Phải thu khách hàng	131		42.110.658.398	2.647.766.758
Trả trước cho người bán	132		5.205.943.933	4.736.468.441
Các khoản phải thu khác	135		544.123.946	34.445.893.908
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>267.547.385.911</b>	<b>329.594.682.816</b>
Hàng tồn kho	141		267.547.385.911	329.594.682.816
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.901.425.662</b>	<b>7.113.371.330</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.306.521.881	2.894.014.899
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		173.715.767	38.685.601
Thuế phải thu Nhà nước	154		-	1.563.604.524
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.421.188.014	2.617.066.306
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>536.365.211.554</b>	<b>595.170.687.237</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>515.640.829.197</b>	<b>559.862.840.446</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	459.421.211.643	522.945.396.437
Nguyên giá	222		710.187.202.918	708.618.848.486
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.765.991.275)	(185.673.452.049)
Tài sản cố định vô hình	227	7	44.684.371.994	31.473.021.575
Nguyên giá	228		48.681.982.240	33.749.612.173
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.997.610.246)	(2.276.590.598)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	11.535.245.560	5.444.422.434
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>20.316.774.102</b>	<b>20.800.506.819</b>
Nguyên giá	241		23.259.481.464	23.259.481.464
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.942.707.362)	(2.458.974.645)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>407.608.255</b>	<b>14.507.339.972</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	407.608.255	14.507.339.972
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.113.373.770.325</b>	<b>1.137.035.461.570</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>248.649.236.907</b>	<b>434.593.908.777</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>248.417.017.127</b>	<b>432.945.319.250</b>
Phải trả người bán	312		48.349.790.228	65.842.859.752
Người mua trả tiền trước	313		363.938.566	2.864.707.206
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	128.912.795.072	70.503.256.117
Phải trả người lao động	315		31.709.611.223	37.674.224.275
Chi phí phải trả	316		-	15.513.556.619
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	12	8.593.072.623	213.636.172.766
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	13	30.487.809.415	26.910.542.515
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>232.219.780</b>	<b>1.648.589.527</b>
Phải trả dài hạn khác	333		232.219.780	993.583.520
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		-	594.551.462
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	60.454.545
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>864.724.533.418</b>	<b>702.441.552.793</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>864.724.533.418</b>	<b>702.441.552.793</b>
Vốn cổ phần	411	15	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		12.920.000	12.920.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(286.493.360)
Quỹ đầu tư phát triển	417		429.779.520.164	358.797.701.945
Quỹ dự phòng tài chính	418		29.035.805.030	28.035.805.030
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		439.600.000	637.600.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		205.456.688.224	115.244.019.178
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.113.373.770.325</b>	<b>1.137.035.461.570</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	892.917.877	892.917.877
Ngoại tệ		
USD	48.063	84.025
EUR	1.140	1.151

Người lập:

*Nhan*

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

08 -03- 2013



Người duyệt:

Hồ Văn Hải  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	18	1.050.915.206.388	1.066.564.829.485
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	354.288.904.000	298.366.969.587
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>696.626.302.388</b>	<b>768.197.859.898</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	419.126.377.738	427.854.429.625
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>277.499.924.650</b>	<b>340.343.430.273</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	13.844.009.275	18.213.236.578
Chi phí tài chính	22	21	351.837.814	12.286.997.011
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	11.107.892.913
Chi phí bán hàng	24		75.018.084.358	114.794.823.708
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		107.823.257.718	97.039.633.988
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>108.150.754.035</b>	<b>134.435.212.144</b>
Thu nhập khác	31	22	168.343.470.521	21.750.949
Chi phí khác	32		405.033.927	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>167.938.436.594</b>	<b>21.750.949</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>276.089.190.629</b>	<b>134.456.963.093</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	70.632.502.405	18.289.555.270
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	92.338.865
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>205.456.688.224</b>	<b>116.075.068.958</b>

Người lập:

*Nguyễn Thị Bích Ngọc*

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hồ Văn Hải  
Giám đốc

08 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>276.089.190.629</b>	<b>134.456.963.093</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	66.382.503.701	56.770.115.967
Các khoản dự phòng	03	(150.230.971)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	341.741.539	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.794.695.275)	(11.848.893.704)
Chi phí lãi vay	06	-	11.107.892.913
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>328.868.509.623</b>	<b>190.486.078.269</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(25.622.550.655)	(10.910.055.805)
Biến động hàng tồn kho	10	62.047.296.905	74.037.096.561
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(220.883.112.578)	33.669.628.676
Biến động chi phí trả trước	12	795.047.802	3.689.842.829
		<b>145.205.191.097</b>	<b>290.972.590.530</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(14.159.964.300)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(18.976.973.355)	(28.638.519.963)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.091.442.000	958.028.740
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.974.376.059)	(2.124.135.201)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>122.345.283.683</b>	<b>247.007.999.806</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(7.773.690.820)	(58.261.375.995)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	136.364	227.273
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	13.794.558.911	12.511.902.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.021.004.455</b>	<b>(45.749.246.222)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	-	87.740.026.510
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(275.777.000.440)
Tiền chi cổ tức	36	(36.000.000.000)	(16.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(36.000.000.000)</b>	<b>(204.036.973.930)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>92.366.288.138</b>	<b>(2.778.220.346)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>163.326.591.080</b>	<b>166.069.035.830</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>6.141.703</b>	<b>35.775.596</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>255.699.020.921</b>	<b>163.326.591.080</b>

Người lập:

*Nm*

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hồ Văn Hải  
Giám đốc

08 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## **Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung.

Công ty có một Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104006633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh các loại đồ uống có cồn và không có cồn như bia, rượu, nước giải khát và các thiết bị vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất rượu, cồn và các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ, thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 725 nhân viên (31/12/2011: 802 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

##### **(iii) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## **Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã áp dụng phi hồi tố chính sách kế toán mới về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái theo quy định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp. Theo chính sách kế toán mới này, tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép Đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 577 tháng. Giá trị quyền sử dụng đất tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được sử dụng lâu dài nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	577 tháng
---------------------	-----------

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 443 tháng. Giá trị quyền sử dụng đất tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được sử dụng lâu dài nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(p) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	1.783.644.975	1.458.806.699
Tiền gửi ngân hàng	27.765.375.946	52.867.784.381
Các khoản tương đương tiền	226.150.000.000	109.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	255.699.020.921	163.326.591.080
	<hr/>	<hr/>

**5. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	107.804.301.686	102.863.327.519
Công cụ và dụng cụ	-	396.427
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.677.480.033	28.706.471.750
Thành phẩm	140.576.364.560	198.024.487.120
Hàng hóa	489.239.632	-
	<hr/>	<hr/>
	267.547.385.911	329.594.682.816
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	191.675.509.449	17.297.982.400	478.210.007.661	21.435.348.976	708.618.848.486
Tăng trong năm	-	323.438.182	578.929.718	-	902.367.900
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	72.052.549	-	-	673.447.245	745.499.794
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(674.571.637)	-	-	(674.571.637)
Thanh lý	-	(168.642.909)	(127.190.698)	-	(295.833.607)
Điều chỉnh khác	890.891.982	-	-	-	890.891.982
Số dư cuối năm	192.638.453.980	16.778.206.036	478.661.746.681	22.108.796.221	710.187.202.918
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	47.440.765.532	10.429.806.053	113.909.473.390	13.893.407.074	185.673.452.049
Khấu hao trong năm	17.534.675.313	3.326.281.998	41.929.928.046	2.597.487.476	65.388.372.833
Thanh lý	-	(168.642.909)	(127.190.698)	-	(295.833.607)
Số dư cuối năm	64.975.440.845	13.587.445.142	155.712.210.738	16.490.894.550	250.765.991.275
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	144.234.743.917	6.868.176.347	364.300.534.271	7.541.941.902	522.945.396.437
Số dư cuối năm	127.663.013.135	3.190.760.894	322.949.535.943	5.617.901.671	459.421.211.643

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 82.074 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 71.655 triệu VND).

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	33.483.732.573	265.879.600	33.749.612.173
Tăng trong năm	-	35.000.000	35.000.000
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	14.897.370.067	-	14.897.370.067
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>48.381.102.640</b>	<b>300.879.600</b>	<b>48.681.982.240</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.165.186.287	111.404.311	2.276.590.598
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.210.621.497	-	1.210.621.497
Khấu hao trong năm	425.938.286	84.459.865	510.398.151
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.801.746.070</b>	<b>195.864.176</b>	<b>3.997.610.246</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	31.318.546.286	154.475.289	31.473.021.575
Số dư cuối năm	44.579.356.570	105.015.424	44.684.371.994

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 30 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: không).

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Số dư đầu năm	5.444.422.434	309.163.169.089
Tăng trong năm	6.836.322.920	41.226.962.407
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(745.499.794)	(344.945.709.062)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.535.245.560</b>	<b>5.444.422.434</b>

**9. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	23.259.481.464
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.458.974.645
Khấu hao trong năm	483.732.717
Số dư cuối năm	2.942.707.362
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	20.800.506.819
Số dư cuối năm	20.316.774.102

Bất động sản đầu tư của Công ty là một phần Quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Yên Phong – huyện Yên Phong – tỉnh Bắc Ninh đang chờ tìm đối tác đầu tư để kinh doanh. Phần quyền sử dụng đất còn lại liên quan đến lô đất đã được sử dụng để xây nhà máy và đang được ghi nhận trong tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	14.090.289.070	292.010.485	125.040.417	14.507.339.972
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	609.051.492	65.520.145	674.571.637
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(13.686.748.570)	-	-	(13.686.748.570)
Phân bổ trong năm	(403.540.500)	(493.453.722)	(190.560.562)	(1.087.554.784)
Số dư cuối năm	-	407.608.255	-	407.608.255

**11. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.776.438.024	8.600.237.981
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.320.049.495	55.275.001.618
Thuế nhập khẩu	144.442.887	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.071.785.376	6.409.549.290
Thuế thu nhập cá nhân	177.783.532	217.742.023
Thuế tài nguyên	1.080.765	725.205
Tiền thuê đất	17.421.214.993	-
	<b>128.912.795.072</b>	<b>70.503.256.117</b>

**12. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	1.604.723.672	1.951.457.949
Bảo hiểm xã hội và y tế	-	20.717.797
Phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xây dựng nhà Hà Nội (Thuyết minh 22)	-	210.000.000.000
Các khoản phải trả khác	6.988.348.951	1.663.997.020
	<b>8.593.072.623</b>	<b>213.636.172.766</b>

**13. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	26.910.542.515	20.231.277.715
Trích lập quỹ	7.262.500.959	8.441.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(3.685.234.059)	(1.761.735.200)
Số dư cuối năm	<b>30.487.809.415</b>	<b>26.910.542.515</b>

Trong năm 2012, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi trị giá 7.263 triệu VND từ lợi nhuận của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 5 tháng 4 năm 2012.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**14. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	200.000.000.000	12.920.000	(7.718.636.673)	275.546.068.529	28.035.805.030	-	107.861.583.636	603.737.740.522
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	116.075.068.958	116.075.068.958
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	83.251.633.416	-	1.000.000.000	(84.251.633.416)	-
Có tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(362.400.000)	-	(362.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.441.000.000)	(8,441.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	7.432.143.313	-	-	-	-	7.432.143.313
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	200.000.000.000	12.920.000	(286.493.360)	358.797.701.945	28.035.805.030	637.600.000	115.244.019.178	702.441.552.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	205.456.688.224	205.456.688.224
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	70.981.818.219	1.000.000.000	-	(71.981.818.219)	-
Có tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(198.000.000)	-	(198.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.262.200.959)	(7.262.200.959)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	286.493.360	-	-	-	-	286.493.360
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	200.000.000.000	12.920.000	-	429.779.520.164	29.035.805.030	439.600.000	205.456.688.224	864.724.533.418



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****15. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**16. Cổ tức**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2011 trị giá 36.000 triệu VND (1.800 VND trên một cổ phiếu) (2011:16.000 triệu VND cho cổ tức của năm 2010 (800 VND trên 1 cổ phiếu)).

**17. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu****(a) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

**(b) Quỹ dự phòng tài chính**

Theo điều lệ của Công ty, mức trích và tỷ lệ trích của quỹ dự phòng tài chính của Công ty phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**18. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.050.217.085.593	1.066.138.473.008
▪ Cung cấp dịch vụ	698.120.795	426.356.477
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(56.383.271.293)	(1.977.903.691)
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.759.983.036)	(6.375.139.350)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(290.145.649.671)	(290.013.926.546)
Doanh thu thuần	<u>696.626.302.388</u>	<u>768.197.859.898</u>

**19. Giá vốn hàng bán**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	412.225.387.358	424.565.281.168
▪ Hàng hoá đã bán	6.546.324.129	3.185.115.421
▪ Dịch vụ đã cung ứng	354.666.251	104.033.036
	<u>419.126.377.738</u>	<u>427.854.429.625</u>

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	13.794.558.911	11.848.666.431
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.188.827	6.364.570.147
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.261.537	-
	<u>13.844.009.275</u>	<u>18.213.236.578</u>



**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****21. Chi phí tài chính**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Chi phí lãi vay	-	11.107.892.913
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.834.738	1.179.104.098
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	350.003.076	-
	<hr/>	<hr/>
	351.837.814	12.286.997.011
	<hr/>	<hr/>

**22. Thu nhập khác**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Thu nhập tiền đền bù di dời nhà xưởng (*)	168.137.604.718	-
Thu nhập khác	205.865.803	21.750.949
	<hr/>	<hr/>
	168.343.470.521	21.750.949
	<hr/>	<hr/>

(\*) Theo hợp đồng kinh tế số 48/HĐKT-HALICO-REC ngày 28 tháng 7 năm 2007 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xây dựng nhà Hà Nội, Công ty sẽ nhận được khoản tiền đền bù là 267.000 triệu VND cho việc đền bù tài sản và hỗ trợ di dời doanh nghiệp từ trụ sở của Công ty tại 94 Lò Đúc, Hà Nội sang khu công nghiệp Yên Phong – huyện Yên Phong – tỉnh Bắc Ninh. Trong năm 2008 và 2009 Công ty được ứng trước số tiền trị giá 210.000 triệu VND. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, số tiền ứng trước nói trên đã được hạch toán vào thu nhập khác sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến việc di dời theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 1 năm 2013.

**23. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	70.632.502.405	18.289.555.270
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	92.338.865
	<hr/>	<hr/>
	70.632.502.405	18.381.894.135
	<hr/>	<hr/>

(b) **Đôi chiều thuế suất thực tế**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	276.089.190.629	134.456.963.093
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	79.145.444.624	45.273.758.011
Ưu đãi thuế	(6.505.754.247)	(26.289.352.422)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.441.362.102	10.796.723.914
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.356.257.049	1.013.641.780
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(11.804.807.123)	(12.412.877.148)
	70.632.502.405	18.381.894.135

(c) **Thuế suất áp dụng**

Theo thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007, Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại 94 Lò Đúc trong 2 năm (năm 2007 và 2008) tính từ năm đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011) với mức thuế suất là 20% trong 10 năm (từ năm 2012 đến năm 2021).

Theo công văn số 7188/BTC-TCT ngày 04 tháng 06 năm 2010, Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018).

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Rượu Hà Nội có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

**24. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro:

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc đã thành lập Ban kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban kiểm soát rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	253.915.375.946	161.867.784.381
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	42.654.782.344	37.093.660.666
		<hr/>	<hr/>
		296.570.158.290	198.961.445.047

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức và thời gian mua hàng trả chậm được thiết lập cho từng khách hàng được Giám đốc phê duyệt và được bảo lãnh bởi ngân hàng. Khoản phải thu đáo hạn được Giám đốc phê duyệt theo từng đợt. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá quy định được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các Tập đoàn liên quan có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2011: không).

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>				
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	48.349.790.228	48.349.790.228	48.349.790.228	-
Các khoản nợ dài hạn khác	232.219.780	232.219.780	-	232.219.780
	<b>48.582.010.008</b>	<b>48.582.010.008</b>	<b>48.349.790.228</b>	<b>232.219.780</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>				
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	65.842.859.752	65.842.859.752	65.842.859.752	-
Chi phí phải trả	15.513.556.619	15.513.556.619	15.513.556.619	-
Các khoản nợ dài hạn khác	993.583.520	993.583.520	-	993.583.520
	<b>82.349.999.891</b>	<b>82.349.999.891</b>	<b>81.356.416.371</b>	<b>993.583.520</b>

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn và mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.063	1.140	84.025	1.151
Phải thu khách hàng	10.000	-	10.000	-
Phải trả người bán	(7.947)	(55.086)	(7.947)	(55.086)
	50.116	(53.946)	86.078	(53.935)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
VND/USD	20.812	20.828
VND/EUR	27.311	27.543

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận gộp của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận gộp VND
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	31.290.426
EUR (mạnh thêm 2% so với VND)	(29.466.384)
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>	
USD (mạnh thêm 8% so với VND)	143.426.607
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	(74.276.585)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận gộp của Tập đoàn.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Tuy nhiên sự thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo này không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần của Công ty.

**Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	226.150.000.000	109.000.000.000
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	27.765.375.946	52.867.784.381

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	255.699.020.921	255.699.020.921	163.326.591.080	163.326.591.080
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	42.654.782.344	42.654.782.344	37.093.660.666	37.093.660.666
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(55.338.139.179)	(55.338.139.179)	(277.506.856.772)	(277.506.856.772)
- Chi phí phải trả	-	-	(15.513.556.619)	(15.513.556.619)
- Nợ phải trả tài chính khác	(232.219.780)	(*)	(993.583.520)	(*)

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ tài chính dài hạn để thuyết minh theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường nên Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ tài chính dài hạn này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả*

Giá trị hợp lý của các các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**25. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Phân loại lại quyền sử dụng đất từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định vô hình	13.686.748.570	-

**26. Cam kết**

**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.104.983.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.083.645.600	-
	<b>18.188.628.600</b>	<b>-</b>

Các cam kết chi tiêu vốn trên liên quan đến dự án đầu tư sản xuất rượu Benmore. Các cam kết chi tiêu vốn đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng thể hiện hợp đồng số 3, 4, 5, 6, 7, 9, 11, 12, 14 và 15 của dự án này. Các cam kết chi tiêu vốn đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng thể hiện hợp đồng số 8, 10 và 13 của dự án này.



(b) **Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	460.275.855	180.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	442.255.458	445.800.000
	902.531.313	625.800.000

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê trong vòng một năm thể hiện hợp đồng thuê văn phòng ở Lào và Hải Phòng và hợp đồng thuê nhà ở Nha Trang.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê trong vòng hai đến năm năm thể hiện hợp đồng thuê văn phòng ở Lào và hợp đồng thuê nhà ở Nha Trang.

27. **Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	278.957.721.885	304.467.903.647
Chi phí nhân công	88.031.980.572	112.231.540.808
Chi phí khấu hao	66.382.503.701	56.770.115.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.169.972.687	56.806.203.520
Chi phí khác	25.063.971.748	61.278.006.786

Người lập:

*Nan*

Nguyễn Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hồ Văn Hải  
Giám đốc

08 -03- 2013